

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ    BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**

**ĐINH XUÂN NGHIÊM**

**HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**  
**ĐỐI VỚI CÔNG TY LÂM NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM**

Ngành: Quản lý kinh tế  
Mã số: 9 31 01 10

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**Hà Nội - Năm 2021**

Công trình được hoàn thành tại:

**Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương**

Người hướng dẫn khoa học:

1. TS. Đinh Quang Tuấn
2. PGS.TS. Vũ Thị Minh

Phản biện 1: PGS.TS Lê Xuân Bá

Phản biện 2: TS. Trần Công Thắng

Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Mậu Dũng

L luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Viện họp tại Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương vào hồi .....giờ ... ngày ... tháng... năm 2020

**Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:**

Thư viện Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương  
Thư viện Quốc Gia, Hà Nội

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Công ty Lâm nghiệp nhà nước (CTLNNN) tiền thân là các Lâm trường quốc doanh (LTQD) đã trải qua 60 năm hình thành và phát triển. Do các công ty hoạt động kém hiệu quả, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách quan trọng nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước (QLNN) đối với CTLNNN, giúp các công ty chuyển đổi về tổ chức, cơ chế quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên QLNN đối với CTLNNN chưa đủ rõ, cơ chế quản lý, giám sát của CSH nhà nước đối với CTLNNN vừa chặt (về hình thức) vừa lỏng (trên thực tế), cụ thể là, vai trò quản lý nhà nước của nhiều Bộ, ngành, chính quyền địa phương đối với CTLNN đặc biệt là việc sắp xếp đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của CTLNNN[4] chưa kịp thời, chưa phù hợp với sự đổi mới trong quản lý DN, nhiều chính sách được ban hành nhưng chưa phù hợp với thực tế hoặc chưa thực hiện theo quy định như Chính sách về đất đai, Chính sách về tài chính tín dụng, Chính sách khai thác gỗ rừng tự nhiên, Chính sách đối với rừng tự nhiên giao cho CTLNNN.

Trên thực tế đã có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước về từng khía cạnh của vấn đề QLNN đối với các DN nói chung và CTLNNN nói riêng. Tuy nhiên, các nghiên cứu đã có chưa nhận diện đầy đủ được các nội dung QLNN và phân tích toàn diện thực trạng QLNN về khía cạnh hành chính và quản lý của chủ sử hữu đối với CTLNNN. Vì vậy việc thực hiện nghiên cứu “*Hoàn thiện quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam*” là cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

### 2. Mục đích, ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài Luận án

*Mục đích nghiên cứu đề tài Luận án:* đề xuất các giải pháp hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN nhằm thúc đẩy đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của CTLNNN và đóng góp tích cực vào quá trình tái cơ cấu ngành lâm nghiệp.

*Ý nghĩa lý luận của Luận án:* góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận về QLNN đối với CTLNNN ở Việt Nam; đồng thời nâng cao vai trò của Nhà nước trong tăng cường quản lý bảo vệ, phát triển rừng (BV&PTR) và phát triển ngành lâm nghiệp.

*Ý nghĩa thực tiễn của Luận án:* cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN trong phạm vi cả nước, thúc đẩy đổi mới và phát triển phát triển các công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam.

### 3. Kết cấu nội dung của luận án

Nội dung chính của Luận án được kết cấu thành 4 chương: Chương 1: Tổng quan các công trình và hướng nghiên cứu của Luận án; Chương 2: Cơ sở lý luận

và kinh nghiệm quốc tế về quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước; Chương 3: Thực trạng quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam; Chương 4: Giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam.

## **CHƯƠNG 1**

### **TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN**

#### **1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố liên quan đến quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước**

##### ***1.1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài có liên quan đến quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước***

Nghiên cứu của nhiều tác giả cho thấy yếu tố quan trọng để thay mô hình tổ chức, cải cách các CTLNNN và nâng cao hiệu quả hoạt động của CTLNNN cần có vốn đầu tư, ty nhiên phải giảm dần sự đầu tư của Nhà nước và tăng cường xã hội hóa trồng rừng, chế biến kinh doanh lâm sản và có cách tiếp cận mới của Chính phủ đối với quyền chủ sở hữu vnhà nướcvà kiểm soát tài chính của các CLNNN.

##### ***1.1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố trong nước có liên quan đến quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước***

Các kết quả nghiên cứu nói trên tập trung vào từng khía cạnh của vấn đề QLNN đối với các DN nói chung và CTLNNN nói riêng như: Tổ chức và chính sách đối với LTQD; nghiên cứu các hình thức khoán trong NLTQD; Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chính sách cho thuê rừng, xây dựng và phát triển thị trường quyền sử dụng đất rừng sản xuất; Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả SXKD lâm nghiệp cho các DN lâm nghiệp đang hoạt động theo luật DN; Các hình thức tổ chức SXKD lâm nghiệp.Các nghiên cứu này đã đóng góp nhất định vào quá trình đổi mới và phát triển các CTLNNN.

##### ***1.1.3. Tổng hợp đánh giá kết quả và những vấn đề chưa được các công trình đã công bố nghiên cứu giải quyết***

- Các kết quả nghiên cứu trước đây chưa nghiên cứu toàn diện và chưa nhận diện đầy đủ được các nội dung QLNN;

- Chưa xây dựng được hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá hiệu lực, hiệu quả, sự phù hợp, sự ổn định, sự công bằng của QLNN QLNN đối với CTLNNN.

Các kết quả nghiên cứu trước đây chưa xây dựng được khung lý thuyết đầy đủ cho hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN. Đây là dư địa để Luận án tiếp tục nghiên cứu và giải quyết.

#### ***1.1.4. Những vấn đề Luận án sẽ tập trung giải quyết***

- Bản chất và các nội dung QLNN đối với CTLNNN ở Việt Nam;
- Thực trạng QLNN với CTLNNN diễn ra như thế nào trong giai đoạn từ năm 2005 đến 2019: thực trạng, kết quả, hạn chế và nguyên nhân;
- Xác định các nhân tố và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả QLNN đối với CTLNNN;
- Các giải pháp hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN đến năm 2030.

### ***1.2. Hướng nghiên cứu của Luận án***

#### ***1.2.1 Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu đề tài Luận án***

*Mục tiêu nghiên cứu:* Phân tích lý luận và thực tiễn, Luận án đề xuất một số giải pháp hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN ở Việt Nam nhằm hỗ trợ các CTLNNN ở Việt Nam nâng cao hiệu quả SXKD và BV&PTR. Ba mục tiêu nghiên cứu cụ thể là: (1). Hệ thống hoá lý luận cơ bản về QLNN đối với CTLNNN; bao gồm khái niệm, mục tiêu, nội dung, các nhân tố ảnh hưởng và các tiêu chí đánh giá về QLNN đối với CTLNNN. Kinh nghiệm về QLNN đối với CTLNNN các nước trên thế giới được tóm tắt và rút ra bài học cho Việt Nam; (2). Phân tích đánh giá thực trạng QLNN đối với CTLNNN ở Việt Nam theo 05 tiêu chí hiệu quả, hiệu lực, phù hợp, ổn định và công bằng, từ đó chỉ rõ về các kết quả đạt được cũng như các mặt còn hạn chế, nguyên nhân của các hạn chế về QLNN đối với CTLNN ở Việt Nam; (3). Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN nhằm hỗ trợ các CTLNNN ở Việt Nam nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD và BV&PTR đến năm 2030

*Câu hỏi nghiên cứu bao gồm:* (1) QLNN đối với CTLNNN đang diễn ra như thế nào ở Việt Nam? (2) Các nhân tố nào ảnh hưởng đến QLNN đối với CTLNNN, mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến QLNN đối với CTLNNN ở Việt Nam? (3) Cần có những giải pháp nào để hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN để hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của các CTLNNN ở Việt Nam?

#### ***1.2.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài Luận án***

- *Đối tượng nghiên cứu:* Đối tượng nghiên cứu của Luận án là nội dung và hoạt động QLNN đối với CTLNNN

- *Phạm vi nghiên cứu:* (1) Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu đánh giá các nội dung QLNN đối với ở Việt Nam; (2) Về thời gian: Luận án tập trung phân tích thực trạng QLNN đối với CTLNNN giai đoạn 2005-2019 và kiến nghị giải pháp hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN ở Việt Nam đến năm 2030; (3) Về không gian: Luận án tập trung nghiên cứu QLNN đối với CTLNNN trên phạm vi cả nước.

### **1.2.3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu của đề tài Luận án**

#### **1.2.3.1. Cách tiếp cận**

- Tiếp cận từ lý thuyết QLNN về kinh tế đối với hoạt động của các DN nói chung và DNNN nói riêng. Từ hoạch định chính sách, tổ chức triển khai, điều chỉnh chính sách và giám sát nhà nước đối với hoạt động của các CTLNNN.

- Tiếp cận chức năng QLNN đối với doanh nghiệp nhà nước gồm QLNN với vai trò là CSH công ty và QLNN với vai trò là cơ quan quản lý nhà chính để phân tích đánh giá thực trạng QLNN đối với CTLNNN ở Việt Nam.

- Tiếp cận theo lợi ích, vừa đảm bảo được lợi ích của công ty vừa đạt được mục tiêu lợi ích cho xã hội, phát triển bền vững rừng, bảo vệ môi trường và lợi ích kinh tế xã hội trên địa bàn.

#### **1.2.3.2. Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện nghiên cứu Luận án theo các tiếp cận trên, tác giả đã sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau, cụ thể như sau:

*Các phương pháp định tính* bao gồm: Thu thập thông tin thứ cấp; Điều tra thu thập thông tin sơ cấp; Phương pháp phân tích tổng hợp; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp cho điểm để luận giải cơ sở lý luận và phương pháp phân tích đánh giá thực trạng và các giải pháp hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN.

*Các phương pháp định lượng* bao gồm: Phương pháp thống kê mô tả để phân tích, đánh giá thực trạng QLNN đối với CTLNNN nhằm phát hiện những yếu kém, tồn tại và nguyên nhân; Phương pháp phân tích hồi quy đa biến sử dụng mô hình phân tích nhân tố khám phá (EFA) để nhận diện, xác định mối tương quan giữa các nhân tố, kiểm định, lượng hoá mức độ ảnh hưởng và xác định các vị trí quan trọng của từng nhân tố và được xếp theo thứ tự từ ảnh hưởng từ nhiều đến ít đến QLNN đối với CTLNNN.

#### **2.2.5. Tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước**

Tiêu chí đánh giá QLNN đối với CTLNNN bao gồm: (1) Hiệu quả; (2) Hiệu lực; (3) Sự phù hợp; (4) Sự ổn định; và Sự công bằng.

## **CHƯƠNG 2**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TY LÂM NGHIỆP NHÀ NƯỚC**

#### **2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của công ty lâm nghiệp nhà nước**

##### **2.1.1 Khái niệm công ty lâm nghiệp**

CTLNNN được sử dụng trong Luận án là Công ty TNHH MTV lâm nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, là tổ chức kinh tế Nhà nước

hoạt động lĩnh vực lâm nghiệp, có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký và nhận cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, và có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động theo luật DN hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

### **2.1.2. Đặc điểm của công ty lâm nghiệp nhà nước**

*Đặc điểm về nhiệm vụ:* Thực hiện nhiệm vụ công ích về QLBV rừng do Nhà nước đặt hàng đối với diện tích rừng tự nhiên sản xuất không đưa vào khai thác, trồng rừng kinh tế và các nhiệm vụ công ích khác về kinh tế xã hội trên địa bàn công ty quản lý 2). Tổ chức sản SXKD lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

*Đặc điểm về ngành nghề hoạt động:* Các hoạt động công ích mặc dù không mang lại hiệu quả kinh tế nhưng nó mang lại hiệu quả về mặt xã hội và bảo vệ môi trường. Danh mục sản phẩm dịch vụ của CTLNN phục vụ công ích do Nhà nước quy định, thực hiện theo phương thức: Nhà nước đặt hàng hoặc giao kế hoạch sản xuất.

*Đặc điểm về tài sản và nguồn vốn:* Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

*Đặc điểm về quá trình SXKD:* Quá trình sản xuất của các CTLNN vừa mang tính chất nông nghiệp và chu kỳ sản xuất (trồng trọt..) kéo dài nhiều năm vừa mang tính chất công nghiệp (khai thác, vận chuyển, chế biến) nên việc thu hồi vốn chậm, chịu rủi ro cao.

*Đặc điểm về địa bàn hoạt động:* Địa bàn hoạt động rất rộng và phức tạp, chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, cơ sở hạ tầng kém, nơi chủ yếu là đồng bào dân tộc ít người, đời sống còn nhiều khó khăn.

### **2.1.3. Vai trò của công ty lâm nghiệp nhà nước**

CTLNN là bộ phận chủ yếu tạo ra tổng sản phẩm ngành lâm nghiệp trong nền kinh tế, là yếu tố quan trọng, quyết định đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành lâm nghiệp, là nhân tố đảm bảo cho việc thực hiện các mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành lâm nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh tế, giữ vững ổn định và tạo thế mạnh hơn về năng lực cạnh tranh của ngành lâm nghiệp trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

## **2.2. Quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước**

### **2.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước**

QLNN là những tác động của Nhà nước có tính tổ chức, bằng quyền lực và chức năng điều hành các quá trình phát triển xã hội và các hành vi, hoạt động của con người để duy trì và phát triển các mối quan hệ kinh tế-xã hội và trật tự pháp luật.

QLNN về kinh tế là một yêu cầu khách quan và phải tuân thủ các nguyên tắc chung, là sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế nhằm mục tiêu hạn chế và khắc phục những khuyết tật của thị trường.

QLNN đối với DN là sự tác động có chủ đích của Nhà nước lên các DN thông qua các công cụ chính sách kinh tế-xã hội và các biện pháp hành chính, tuyên truyền nhằm khuyến khích sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển DN về lượng và chất từ đó phát triển nền kinh tế để đạt các mục tiêu đặt ra.

QLNN đối với DNNN là sự tác động của Nhà nước (chủ thể quản lý) lên đối tượng bị quản lý là DNNN nhằm mục đích không ngừng đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của DN và được hiểu theo nghĩa rộng (QLNN đối với DNNN được thực hiện bởi cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp) và nghĩa hẹp (QLNN đối với DNNN được bảo đảm thực hiện chủ yếu bởi hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước gồm: Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân).

- Khái niệm quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước được dùng trong Luận án được hiểu như sau: “QLNN đối với CTLNNN là sự can thiệp có chủ đích của Nhà nước theo quy định của pháp luật lên các CTLNNN để đạt được các mục tiêu đã định trước, thông qua hoạch định, tổ chức, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động, tạo ra môi trường thuận lợi, hỗ trợ các CTLNNN sử dụng hợp lý các nguồn lực thuộc sở hữu của Nhà nước giao cho công ty và thực hiện SXKD lâm nghiệp đạt hiệu quả cao, đồng thời BV&PTR bền vững và góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn trong điều kiện biến động của môi trường cạnh tranh trong nước và quốc tế.

### ***2.2.2. Đặc điểm quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước***

QLNN đối với CTLNNN mang các đặc điểm: QLNN đối với CTLNNN có đặc điểm là gắn với về chu kỳ SXKD lâm nghiệp; QLNN đối với CTLNNN có đặc điểm của quản lý các hoạt động công ích, gồm BV&PTR, bảo vệ môi trường sinh thái; QLNN đối với CTLNNN mang đặc điểm xã hội như tạo việc làm, tăng thu nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa; QLNN đối với CTLNNN mang đặc điểm quản lý tài sản dưới dạng tài nguyên,

### ***2.2.3. Mục tiêu hoàn thiện quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước***

#### ***2.2.3.1. Mục tiêu của quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước***

Mục tiêu tổng quát của QLNN đối với CTLNNN đó là, hướng tới các CTLNNN được tự chủ SXKD, hiệu quả cao và ổn định; bảo vệ phát triển bền vững; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhất là ở vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa.



### *2.2.3.2. Mục tiêu của hoàn thiện quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước*

Hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN hướng tới hỗ trợ công ty hoạt động đúng định hướng phát triển ngành lâm nghiệp và định hướng phát triển KT-XH của đất nước, gắn quyền tự do hoạt động sản xuất kinh doanh thu lợi nhuận của công ty theo quy định của pháp luật với giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhất là ở vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa

Hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN hướng quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tài nguyên rừng.

Hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN hướng tới sự chuyển biến căn bản về phương thức tổ chức quản lý và quản trị DN trong lĩnh vực lâm nghiệp, sản xuất lâm nghiệp phải gắn với công nghiệp chế biến và thị trường theo chuỗi giá trị hàng hóa.

Hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN hướng tới xây dựng các CTLNNN trở thành trung tâm liên kết sản xuất lâm nghiệp, trung tâm kinh tế, khoa học - công nghệ lâm nghiệp trong vùng.

### *2.2.4. Nội dung nghiên cứu hoàn thiện quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước*

Nội dung QLNN đối với CTLNNN bao gồm: (1) Ban hành chính sách pháp luật về QLNN đối với CTLNNN: Hoạch định sự phát triển của hệ thống các CTLNNN, quản lý nhà nước về tài sản và vốn do Nhà nước cấp CTLNN, ban hành chính sách pháp luật về BV&PTR; ban hành pháp luật về đất đai bao gồm đất lâm nghiệp, ban hành và thực hiện các chính sách hỗ trợ CTLNNN trong hoạt động SXKD và hoạt động công ích BV&PTR như (chính sách vốn tín dụng và đầu tư, chính sách về khai thác rừng, chính sách về giao khoán tại CTLNNN, Chính sách về thuế và phí và Chính sách về lao động việc làm), ban hành và triển khai các phương pháp quản lý của CSH đối với CTLNNN); (2) Tổ chức Bộ máy QLNN các cấp để thực thi pháp luật; (3) Kiểm tra, thanh tra và giám sát việc thực thi pháp luật của CTLNNN.

## **2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước**

Các nhân tố ảnh hưởng đến Quản lý nhà nước đối với CTLNNN bao gồm: Điều kiện KT-XH; Hệ thống chính sách vĩ mô của Nhà nước; Đặc điểm ngành nghề kinh doanh của CTLNNN; Xu hướng phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ; Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế thế giới; Thể chế của Nhà nước;

Sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện QLNN đối với CTLNN; Trình độ, nhận thức của cán bộ QLNN các cấp.

#### **2.4. Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước và bài học cho Việt Nam**

Luận án tập trung nghiên cứu luận giải kinh nghiệm về QLNN đối với CTLNN của 3 quốc gia (gồm Nga, Trung Quốc và Đức) từ đó rút ra năm (05) bài học cho QLNN đối với CTLNN ở Việt Nam:

- Hoàn thiện QLNN đối với CTLNN cần theo hướng phân định rõ quyền năng của Nhà nước đối với tài sản, vốn rừng đã giao cho công ty quản lý và sử dụng, xử lý các mối quan hệ lợi ích giữa nhà nước với công ty.

- Hoàn thiện mô hình tổ chức, tổ chức sắp xếp đổi mới phát triển các CTLNN phải gắn với việc phân định rõ chức năng SXKD và chức năng xã hội (làm nhiệm vụ công ích) để áp dụng hình thức tổ chức và cơ chế quản lý phù hợp, lấy việc tạo vốn rừng và kinh doanh rừng làm cơ sở, lấy việc quản lý bảo vệ rừng làm biện pháp bảo đảm để xây dựng phát triển tài nguyên rừng ổn định với chất lượng cao.

- Quản lý nhà nước đối với CTLNN phải bắt đầu từ việc xoá bỏ bao cấp các hoạt động SXKD của công ty, bảo đảm cho công ty tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước nhà nước về kết quả hoạt động SXKD của mình, hợp tác và cạnh tranh bình đẳng với tất cả các thành phần kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

- Hoàn thiện các nội dung chính sách thực thi QLNN đối với CTLNN với tư cách CSH công ty (Chính sách quản lý và khai thác rừng; chính sách quản lý giao khoán trong CTLNN và Chính sách tín dụng đầu tư)

- Hoàn thiện hệ thống giám sát và đánh giá tài nguyên rừng của CTLNN, thiết lập và hoàn thiện hồ sơ lưu trữ quản lý tài nguyên rừng của Nhà nước

### **CHƯƠNG 3**

#### **THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TY LÂM NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM**

##### **3.1. Thực trạng về công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam hiện nay**

###### **3.1.1. Những thay đổi về quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam**

Sự thay đổi về QLNN đối với CTLNN ở Việt Nam có thể được tóm tắt thành 3 giai đoạn bao gồm:

- *Giai đoạn trước năm 1986:* đây là các LTQD hoạt động theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao. LTQD được Nhà nước giao tài sản, vốn, giao kế hoạch về trồng rừng, khai thác gỗ, lâm sản ngoài gỗ, chỉ định nơi tiêu thụ sản phẩm,

hạch toán kinh tế theo định mức tiêu hao vật tư, lao động và giá bán sản phẩm do Nhà nước quy định

- Giai đoạn 1986 đến 2003: đây là giai đoạn LTQD được hoạt động với tư cách là DNNN trong lâm nghiệp được chuyển đổi cơ chế quản lý tập trung bao cấp sang tự chủ hạch toán kinh doanh,

- Giai đoạn 2004 đến nay: đây là giai đoạn sắp xếp, đổi mới và phát triển LTQD theo Nghị quyết số 28/NQ-TW năm 2003 ngày 16/6/2013 và Nghị quyết 30-NQ/TW 12/03/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp. Các CTLNNN hoạt động theo Luật DN dưới mô hình tổ chức là công ty TNHH MTV lâm nghiệp nhà nước.

### **3.1.2. Thực trạng công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam**

- Số lượng và địa bàn hoạt động của CTLNNN: Tổng số CTLNNN trên phạm vi cả nước 105 công ty, trong đó 03 Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước thực hiện nhiệm vụ SXKD, 60 Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước thực hiện nhiệm vụ sản xuất cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích, 21 Công ty đang trong quá trình chuyển thành công ty cổ phần, 14 Công ty đang trong quá trình chuyển thành Công ty TNHH 2TV trở lên và 07 Công ty đang trong quá trình chờ giải thể.

- Tổng diện tích đất các CTLNNN được giao quản lý tính đến năm 2019 là gần 1,513 triệu ha, trong đó tổng diện tích đất lâm nghiệp còn lại là trên 1,336 triệu ha chủ yếu là đất rừng sản xuất khoảng 1,01 triệu ha. Trong đó, tổng diện tích các CTLNNN tự tổ chức sản xuất là 1,17 triệu ha, chiếm gần 85,6% tổng diện tích đất lâm nghiệp của các CTLNNN

- Tổng số lao động đang làm việc trong các CTLNNN, tính đến tháng 6/2019 là 8.230 người, trong đó số lao động gián tiếp là 2.092 người (chiếm 29,25%), số lao động trực tiếp là 4.999 người (chiếm 69,89%).

- Tổng tài sản của các CTLNNN tính đến năm 2018 là 4.511.683 triệu đồng, trong đó, vốn CSH: 2.199.275 triệu đồng, nguồn vốn vay nợ ngắn và dài hạn là 2.312.408 triệu đồng.

- Một số kết quả SXKD bình quân 3 năm 2016-2018 của các CTLNNN: Tổng doanh thu bình quân đạt 2.223.588 triệu đồng/năm, Tổng lợi nhuận trước thuế bình quân đạt 119.151 triệu đồng/năm, lợi nhuận sau thuế là 72.408 triệu đồng/năm, tổng số thuế nộp ngân sách nhà nước bình quân đạt 98.275 triệu đồng/năm.

## **3.2. Phân tích thực trạng quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam**

### **3.2.1. Thực trạng ban hành chính sách pháp luật đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam**

#### *3.2.1.1. Thực trạng hoạch định phát triển công ty lâm nghiệp nhà nước*

Trên cơ sở Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 16/3/2003 và Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 về sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của CTLNNN, Chính phủ ban hành các văn bản pháp luật gồm: Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 về sắp xếp, đổi mới và phát triển LTQD, Nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 08/9/2006 về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHHMTV, Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHHMTV và tổ chức quản lý công ty TNHHMTV do Nhà nước làm CSH và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Bộ NN&PTNT, các địa phương và các CTLNNN đã xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới DN đã được thủ tướng phê duyệt. Kết quả là thực hiện chính sách xem tại mục 3.1 của Luận án.

#### *3.2.1.2. Thực trạng quản lý nhà nước về vốn và tài sản nhà nước tại công ty lâm nghiệp nhà nước*

Trong những năm qua Quốc hội, Chính phủ và các Bộ và các địa phương đã triển khai nhiều giải pháp và ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định QLNN đối với vốn nhằm đảm bảo cho các CTLNNN quản lý, bảo toàn và sử dụng vốn tài sản có hiệu quả như Luật ngân sách, Luật đầu tư công luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại DN, và 4 Nghị định về Quy chế quản lý tài chính, quản lý vốn trong DN có vốn của Nhà nước.

#### *3.2.1.3. Thực trạng ban hành và thực thi chính sách pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng*

Để thực hiện tốt công tác QLNN đối với CTLNNN, trong thời gian qua Chính phủ, Bộ ngành trung ương và các địa phương đã triển khai nhiều giải pháp như đã ban hành và triển khai thực hiện Luật BV&PTR 29/2004/QH11, các văn bản hướng dẫn luật, Luật lâm nghiệp số 16/2017/QH15 ngày 15/11/2017, 02 Nghị quyết, 02 Nghị định, 8 Quyết định của thủ tướng, 02 thông tư, 3 chỉ thị của bộ NNPTNT. Trong thời gian qua, Chính phủ đã ưu tiên nhiều nguồn ngân sách để đầu tư cho BV&PTR.

#### *3.2.1.4. Thực trạng về ban hành và thực thi chính sách pháp luật về đất đai và đất lâm nghiệp tại công ty lâm nghiệp nhà nước*

Trong những năm qua Quốc hội, Chính phủ và các Bộ và các địa phương đã triển khai nhiều giải pháp và ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định QLNN đối với đất đai nhằm đảm bảo cho các CTLNNN nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nâng cao hiệu quả SXKD và hiệu quả BV&PTR như Luật đất đai 2003 và 2013; 6 Nghị định, 03 thông tư. Các địa phương đã tập trung mọi nguồn lực và cơ bản đã thực hiện xong việc rà soát, lập quy hoạch kế hoạch phát triển CTLNN và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; xác định giá thuê đất; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất đối với CTLNNN, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tài nguyên rừng.

### *3.2.1.5. Thực trạng ban hành và thực thi chính sách hỗ trợ công ty lâm nghiệp nhà nước*

- *Chính sách vốn tín dụng:* Quốc hội ban hành nhiều văn bản pháp luật về QLNN về đối với vốn tín dụng cho các Công ty LNNN. Các văn bản quy phạm pháp luật về Chính sách tín dụng và đầu tư cho các Công ty LNNN bao gồm trong thời gian qua. Cụ thể Chính phủ đã ban hành 01 Nghị quyết và 04 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 04 Quyết định, các Bộ, ngành ban hành 06 Thông tư.

- *Chính sách về thuế và lệ phí:* Nhà nước đã từng bước hoàn thiện chính sách thuế, văn bản quản lý nhà nước có liên quan đến chính sách thuế đối với CTLNNN. Miễn thuế, giảm thuế hay cho Công ty nộp chậm thuế là một trong các chính sách tài chính của Chính phủ nhằm tạo điều kiện cho DN có thể có thêm nguồn tài chính để đáp ứng các nhu cầu về vốn

- *Chính sách về giao khoán tại CTLNNN:* Nhằm tạo động lực kinh tế khuyến khích người dân tham gia BV&PTR, đặc biệt là các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số sống dựa vào rừng, từ những năm 1990, Chính phủ đã ban hành một số chính sách liên quan đến khoán bảo vệ rừng nói chung và đối với CTLNNN nói riêng như Nghị định số 01/CP ngày 4/1/1995, Quyết định số 661/QĐ-TTg ngày 29/7/1998; Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 8/11/2005 và Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016.

- *Chính sách khai thác gỗ:* Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định về trồng rừng và khai thác rừng (bao gồm cả rừng trồng và rừng tự nhiên là rừng sản xuất) nhằm hỗ trợ các hoạt động SXKD lâm nghiệp gắn với BV&PTR do Nhà nước giao như Nghị định số 23/2006/NĐ-CP; 04 Quyết định của Thủ tướng, 3 Quyết định của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT và 9 thông tư hướng dẫn. Để tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020 và thực hiện chính sách

“đóng cửa rừng”, Chính phủ đã hỗ trợ kinh phí cho cá CTLNNN ngừng khai thác rừng tự nhiên.

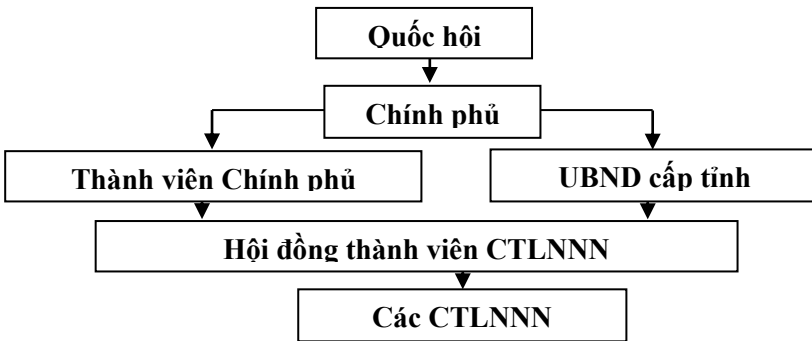
### *3.2.1.6. Thực trạng ban hành và thực thi phương pháp quản lý của chủ sở hữu đối với công ty lâm nghiệp nhà nước*

Để thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước, chủ sở hữu đã sử dụng các phương án quản lý đối với hoạt động của CTLNNN bao gồm :

- Chiến lược phát triển DN, Quy Hoạch sử dụng Đất, Phương án Điều chế rừng, Phương án SXKD, Phương án quản lý rừng bền vững và Điều lệ công ty.
- Ban hành quy định về chế độ phân phối lợi nhuận tại các CTLNNN
- Ban hành quy định về chế độ lương, thưởng phạt đối với DN và bộ máy quản lý, điều hành

### *3.2.2. Thực trạng bộ máy quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam*

Bộ máy QLNN đối với CTLNNN tại Việt Nam là hệ thống các cơ quan quản lý của Nhà nước từ Trung ương đến địa phương được tổ chức theo những nguyên tắc thống nhất và có mối liên hệ ràng buộc qua lại chặt chẽ thực hiện các nhiệm vụ và hai chức năng quản lý của Nhà nước đối với CTLNNN.



**Sơ đồ 1.1: Bộ máy QLNN đối với CTLNNN ở Việt Nam**

### *3.2.3. Thực trạng kiểm tra, thanh tra và giám sát nhà nước đối với hoạt động của công ty lâm nghiệp nhà nước*

Theo dõi, giám sát và đánh giá hoạt động của CTLNNN là một nội dung cơ bản và đặc biệt quan trọng trong QLNN đối với DNNN. Trong thời gian qua, Chính phủ và các cơ quan đã ban hành triển khai nhiều văn bản chính sách thanh tra giám sát đối với CTLNNN như Luật DN 2005 và Luật DN 2015, 06 Nghị định

của Chính phủ, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 và số 171/2013/TT- BTC ngày 20/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với DN do Nhà nước làm CSH và DN có vốn nhà nước.

### **3.2.4. Kết quả tổng hợp điều tra đánh giá về quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước theo 5 tiêu chí**

Kết quả đánh giá tổng hợp về QLNN đối với CTLNNN với mức độ từ thấp đến cao tương ứng từ 1 đến 5, theo 05 tiêu chí với kết quả tại bảng 3.16 như sau; tính hiệu quả đạt 3,39 điểm, tính hiệu lực đạt 3,38 điểm, sự phù hợp đạt 2,96 điểm, sự ổn định đạt 3,13 điểm và sự công bằng đạt 2,97 điểm.

**Bảng 3.16: Kết quả đánh giá tổng hợp thực trạng quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước**

STT	Chỉ tiêu	Điểm TB	Mức độ đánh giá (%)				
			Mức đánh giá 1: rất thấp – 5: rất cao				
			1	2	3	4	5
1	Tính hiệu quả	3,39	0	21	23	52	4
2	Tính hiệu lực	3,38	3	24	13	54	6
3	Tính phù hợp	2,96	0	35	34	31	0
4	Tính ổn định	3,13	7	20	26	47	0
5	Tính công bằng	2,97	7	17	48	28	0

*Nguồn: Điều tra của tác giả*

### **3.3. Phân tích kết quả ảnh hưởng các nhân tố đến quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam**

#### **3.3.1. Kiểm định độ tin cậy của các thang đo trong nghiên cứu**

Bảng 3.18 cho thấy Hệ số Cronbach's Alpha của các biến gắn với từng nhân tố đều lớn hơn 0,6. Vì vậy, tất cả các biến quan sát đều được chấp nhận sử dụng trong mô hình EFA.

**Bảng 3.18: Thống kê các biến số gắn với nhân tố và hệ số Cronbach's alpha**

TT	Nhân tố	Hệ số Cronbach's Alpha
1	Điều kiện KT-XH	0,69
2	Hệ thống Chính sách vĩ mô của Nhà nước	0,633
3	Nhân tố Đặc điểm ngành nghề kinh doanh của CTLNNN,	0,76
4	Xu hướng phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ	0,83
5	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế thế giới,	0,67
6	Thế chế nhà nước	0,745
7	Sự phối hợp thực hiện công tác của các cơ quan lý nhà nước	0,7
8	Trình độ, nhận thức của cán bộ quản lý nhà nước,	0,61

*Nguồn: Điều tra của tác giả*

### **3.3.2. Kiểm định sự phù hợp của mô hình EFA và tương quan của các nhân tố trong mô hình**

Để xem xét sự thích hợp của mô hình phân tích nhân tố EFA, Luận án sử dụng chỉ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) Kết quả xử lý của mô hình EFA cho thấy  $KMO=0,513$ , thỏa mãn điều kiện  $0,5 < KMO < 1$ . (Hair 2006, [60]). Như vậy có thể kết luận là phân tích nhân tố khám phá là thích hợp để phân tích nhân tố ảnh hưởng đến QLNN đối với CTLNNN.

### **3.3.3. Kiểm định mức độ giải thích các biến quan sát đối với nhân tố đại diện**

Kết quả kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát về giá trị tổng số phương sai trích (cột cộng dồn) là  $74,284\% > 50\%$ , điều này có nghĩa là  $74,284\%$  sự thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến đặc trưng.

### **3.3.4. Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước**

Kết quả của phân tích mô hình EFA tại bảng 3.21 cho biết các biến đặc trưng đều có hệ số tải nhân tố (Factor loading) lớn hơn 0,6. Theo mô hình ban đầu tổng số 27 biến quan sát được sắp xếp thành 8 nhóm yếu tố (từ X1 đến X8), qua bước thực hiện ma trận xoay 9 lần lặp giảm xuống còn 21 biến và được sắp xếp thành 6 nhóm nhân tố đại diện gồm: F<sub>1</sub>:Việc xây dựng, ban hành, sửa đổi các chính sách, nhận thức và triển khai chính sách của cán bộ QLNN; F<sub>2</sub>: Đặc điểm ngành nghề kinh doanh, cam kết hội nhập quốc tế; F<sub>3</sub>: Kiểm soát quá trình hội nhập và hỗ trợ giảm chi phí và cải thiện môi trường phát triển thị trường gỗ; F<sub>4</sub>: Sự



ổn định của thể chế nhà nước, Sự minh bạch của bộ máy và năng lực, trí lực cán bộ thực hiện công tác QLNN; F<sub>5</sub>: Sự phối hợp thực hiện công tác QLNN của các cơ quan nhà nước; F<sub>6</sub>: Chính sách phát triển kinh tế quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

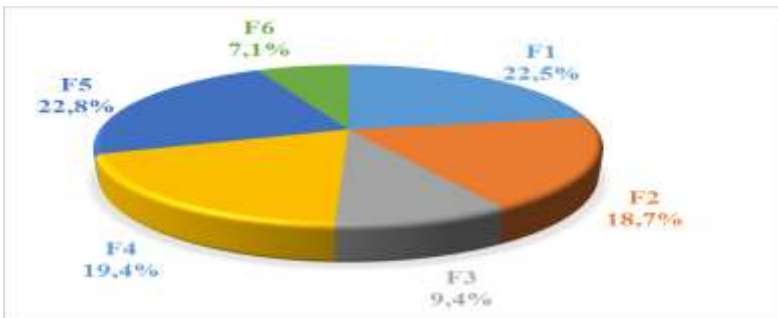
Kết quả Mô hình hồi quy cho hệ số R<sup>2</sup> điều chỉnh là 0,423. Điều này có nghĩa là 42,3% thay đổi của công tác QLNN đối với CTLNNN được giải thích bởi các biến F<sub>1</sub>, F<sub>2</sub>, F<sub>3</sub>, F<sub>4</sub>, F<sub>5</sub>, F<sub>6</sub>, còn lại 57,7% là các nhân tố chưa được đưa vào mô hình nghiên cứu.

***Từ kết quả mô hình hồi quy có dạng:***

$$Y = 0,71 + 0,143 * F_1 + 0,119 * F_2 + 0,06 * F_4 + 0,123 * F_4 + 0,145 * F_5 + 0,045 * F_6$$

Cả 6 biến (F<sub>1</sub>, F<sub>2</sub>, F<sub>3</sub>, F<sub>4</sub>, F<sub>5</sub>, F<sub>6</sub>) đảm bảo có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 95% (Sig < 0,05).

Hệ số hồi qui được chuẩn hóa cho biết tầm quan trọng của các biến độc lập trong mô hình. Các hệ số hồi quy chuẩn hoá có thể được chuyển đổi về dạng phần trăm như được nêu trên hình 3.6.



**Hình 3.6: Vị trí quan trọng của các nhân tố**

### **3.4. Đánh giá chung về quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam**

#### **3.4.1. Một Những kết quả đạt được**

##### *Thứ nhất, về xây dựng chính sách pháp luật*

Hệ thống chính sách pháp luật về QLNN hỗ trợ phát triển CTLNNN ngày càng hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, bước đầu phủ kín các nội dung có liên quan đến hoạt động của các CTLNNN từ công tác xây dựng, ban hành triển khai thực hiện đến thanh tra kiểm tra. Do đó, đã tạo quyền chủ động tự chủ SXKD cao hơn cho công ty, giảm thiểu sự can thiệp hành chính của Nhà nước vào hoạt động của công ty.

Chính sách phát triển CTLNNN trong những năm qua đã có những thay đổi đáng kể, cùng với quá trình cải cách hành chính đã góp phần đổi mới bộ máy QLNN và bộ máy quản trị DN theo hướng minh bạch, hiệu quả, là cơ sở thúc đẩy phát triển SXKD, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản và đất đai, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động của các CTLNNN.

Công tác hoạch định phát triển CTLNNN của các cơ quan QLNN đã ngày càng được ưu tiên hỗ trợ các CTLNNN xây dựng các chiến lược, kế hoạch SXKD đã mang tính dài hạn và ổn định hơn góp phần nâng cao nhận thức và hiệu quả trong việc sử dụng đất, tài nguyên rừng do nhà nước giao cho công ty.

*Thứ hai, về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước*

Mô hình tổ chức bộ máy QLNN vẫn phát huy được khả năng chuyên môn của các cơ quan nhà nước trong việc quản lý CTLNNN thuộc lĩnh vực mình quản lý. Có đầu mối chịu trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ CSH đối với từng CTLNNN. Triển khai chính sách của Đảng và Nhà nước tới CTLNNN nhanh, kịp thời và tiết kiệm chi phí.

*Thứ ba, về công tác về thanh tra, kiểm tra, giám sát*

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với CTLNNN được thực hiện dần đi vào nền nếp thông qua việc hình thành khung pháp lý cho kiểm tra, kiểm soát các CTLNNN. Do vậy, các CTLNNN đã nhận thức rõ trong việc phân định chức năng, nhiệm vụ SXKD và nhiệm vụ công ích, từ đó xây dựng cơ chế quản lý và cơ cấu tổ chức công ty phù hợp và hoạt động có hiệu quả.

**2.4.2. Những hạn chế**

Mặc dù đã đạt được một số thành tựu nhất định, tuy nhiên công tác QLNN đối với CTLNNN trong thời gian vừa qua còn bộc lộ một số những tồn tại hạn chế, thể hiện tại một số nội dung sau:

*i). Về xây dựng chính sách pháp luật*

- Hệ thống chính sách pháp luật đối với CTLNNN được Nhà nước ban hành khá nhiều điều chỉnh, bổ sung, nhưng vẫn thiếu đồng bộ, chưa đảm bảo cho công ty hoạt động theo Luật DN 2015.

- Chính sách pháp luật được Nhà nước ban hành đối với CTLNNN chưa thực sự đảm bảo ổn định lâu dài, còn nhiều thay đổi và vẫn chưa đảm bảo được đầy đủ các yêu cầu của tiêu chí bền vững.

- Thiếu công bằng trong quá trình tham gia và hưởng lợi khi nhận khoán bảo vệ rừng, điểm chung giữa các chính sách là đều nhằm hỗ trợ phát triển sinh kế và đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ gắn liền với BV&PTR. Sự thiếu công bằng trong quản lý nhà nước đối với CTLNNN còn thể hiện trên khía cạnh tiếp cận được các hỗ trợ của Nhà nước về vốn, về tín dụng. Thiếu công bằng trong việc quy định thuế suất:

- Khung pháp lý cho việc sắp xếp đổi mới phát triển CTLNNN chậm được hướng dẫn. Hiện nay, Nhà nước chưa xây dựng được quy hoạch và kế hoạch phát triển CTLNNN, các quy hoạch, kế hoạch phát triển CTLNNN chủ yếu do công ty tự lập ra giữa trên quy hoạch phát triển KT-XH, quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, quy hoạch sử dụng đất.

- Chính sách pháp luật về BV & PTR còn mang tính chất khung, mang tính định hướng. Điều này đã dẫn đến việc ban hành rất nhiều văn bản dưới Luật đề qui định cụ thể, tạo ra một lĩnh vực pháp luật về BV & PTR đa tầng, chồng chéo, có không ít mâu thuẫn và chòng chéo

*ii). Về tổ chức bộ máy QLNN*

Chức năng QLNN của chủ thể quản lý đối với các CTLNNN được phân công cho nhiều cơ quan (các thành viên Chính phủ và các địa phương) và sự phân công, phân nhiệm quản lý chưa đồng bộ, tương đối phức tạp. Đội ngũ cán bộ làm công tác QLNN còn thiếu và yếu vì không bố trí được cán bộ chuyên sâu nên hầu hết là bố trí cán bộ kiêm nhiệm để tham gia QLNN đối với CTLNNN dẫn đến việc phối hợp xây dựng và thực thi chính sách giữa các cơ quan QLNN là tương đối khó khăn. Chưa tách biệt chức năng thực hiện quyền CSH với các chức năng khác của Nhà nước, có nguy cơ xung đột lợi ích, thiên về hướng có lợi cho CTLNNN. Không có sự phân định rõ ràng các nội dung QLNN đối với CTLNNN với tư cách là CSH nhà nước và tư cách là cơ quan quản lý hành chính nhà nước đối với công ty.

*iii) Về công tác về thanh tra, kiểm tra, giám sát*

Công tác kiểm tra, giám sát chưa tuân thủ nghiêm quy trình: kiểm tra, giám sát vẫn còn chưa được thực hiện đầy đủ, nhiều lúc còn bỏ sót do thiếu căn cứ, tiêu chí để theo dõi, giám sát và đánh giá; Việc giám sát, đánh giá chưa có đủ căn cứ để tiến hành do chưa có mục tiêu, nhiệm vụ được giao dùng làm các căn cứ so sánh đối chiếu với kết quả thực hiện. Chậm ban hành chính sách giám sát. Việc thanh tra kiểm tra nhà nước đối với CTLNNN do có nhiều cơ quan có thẩm quyền thanh tra. Các chỉ tiêu giám sát thường thiên về các chỉ tiêu tài chính. Thiếu cơ chế giám sát và đánh giá đối với các chủ thể thực hiện chức năng quản lý của CSH nhà nước cũng như trách nhiệm giải trình trong thực hiện chức năng quản lý của CSH nhà nước.

**2.4.3. Nguyên nhân của các hạn chế**

Trên cơ sở nghiên cứu và phân tích các nội dung về QLNN và các nhân tố ảnh hưởng QLNN đối với CTLNN cho thấy nguyên nhân của những hạn chế nêu trên gồm:

- Sự phối hợp thực hiện công tác QLNN của các cơ quan QLNN liên quan đối với CTLNNN còn lỏng lẻo, thiếu kịp thời đối với một số vấn đề mới nảy sinh. Ví dụ chính sách về sử dụng đất lâm nghiệp cho mục đích SXKD, chính sách sản phẩm, một số quy định về thuế, tín dụng.. Một bộ phận cán bộ QLNN đối với CTLNNN chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực phẩm chất, thiếu kinh nghiệm.

- Đặc điểm ngành nghề kinh doanh của các CTLNNN, thực hiện đồng thời hai (02) nhiệm vụ vừa SXKD lâm nghiệp vừa thực hiện nhiệm vụ công ích BV&PTR, Do vậy, Phần lớn các đợt động SXKD của các công ty phụ thuộc rất lớn và cơ chế xin cho theo chỉ tiêu, chỉ định giao chỉ tiêu kế hoạch khai thác sản lượng gỗ, diện tích trồng và BV&PTR, đơn giá theo quy định hàng năm của của Nhà nước, không theo cơ chế thị trường

- Chưa thực sự tạo môi trường tốt để các CTLNNN phát triển. Nhận thức chưa thống nhất, chưa đầy đủ về vai trò của CTLNNN. Việc triển khai sắp xếp, đổi mới và phát triển CTLNNN trong thời gian qua còn chậm trễ. Công tác phân cấp, phân quyền trong các cơ quan QLNN đối với CTLNNN chậm được đổi mới, trong khi đó tư duy của các cơ quan QLNN đối với CTLNNN chưa thực sự chuyển biến cho phù hợp, chưa theo kịp với quá trình đổi mới, sắp xếp phát triển nâng cao hoạt động của các CTLNNN trong điều kiện hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế...

- Năng lực hoạch định của cơ quan QLNN đối với CTLNNN về kế hoạch, chính sách, quy định đối với công ty còn hạn chế, ban hành chính sách chưa ổn định và đồng bộ, thiếu kịp thời đối với một số vấn đề mới.

## **CHƯƠNG 4**

### **GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TY LÂM NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM**

#### **4.1. Bối cảnh có liên quan đến quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam**

##### **4.1.1 Bối cảnh quốc tế**

Tiến trình toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, thương mại tự do và hội nhập kinh tế quốc tế vẫn đang là xu hướng chủ đạo của thế giới với việc các FTA song phương dần thay thế cơ chế đa phương. Toàn cầu hóa kinh tế tiếp tục phát triển về quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện với những tác động tích cực và tiêu cực, cơ hội và thách thức đan xen rất phức tạp lên công tác QLNN đối với CTLNNN.

##### **4.1.2. Bối cảnh trong nước**

Từ năm 2003 đến nay, quá trình sắp xếp đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các CTLNNN trong quá trình đổi mới kinh tế đất nước được Đảng và

Nhà nước ta luôn xác định đó là nhiệm vụ quan trọng và tập trung chỉ đạo sát sao. Chính phủ đã thể hiện quyết tâm trong sắp xếp đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông lâm nghiệp, tập trung chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy quá trình sắp xếp, đổi mới và nâng cao hoạt động của các CTLNNN trong bối cảnh cả nước đang hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế và toàn cầu hoá.

Định hướng phát triển công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam đến năm 2025: Duy trì và phát triển các CTLNNN giúp Nhà nước quản lý BV&PTR toàn bộ diện tích rừng Nhà nước giao theo hướng bền vững, Quản lý nghiêm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên, bảo tồn nguồn Gen động thực vật rừng, tạo nguồn sinh thủy, bảo vệ môi trường sinh thái gắn với phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái; Xây dựng các CTLNNN trở thành trung tâm liên kết sản xuất lâm nghiệp, trung tâm kinh tế, KHCN và văn hóa đối với nhân dân trong vùng; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa nhà nước DN và người dân.

## **4.2. Quan điểm và phương hướng hoàn thiện quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam**

### **4.2.1. Quan điểm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước**

Đổi mới phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của các CTLNNN, đặt trong tổng thể QLNN về kinh tế trong bối cảnh Việt Nam thực hiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Đổi mới các nội dung QLNN đối với CTLNNN phải đồng bộ giải pháp cải cách hành chính, tái cơ cấu khu vực DNNN, tái cơ cấu ngành lâm nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất, giá trị gia tăng sản phẩm gỗ và sản phẩm chế biến lâm nghiệp khác và sức cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ.

Hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN theo hướng đảm bảo nâng cao hiệu quả SXKD, hài hòa lợi ích giữa DN, Nhà nước và người dân, góp phần xứng đáng vào phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh, bảo sự phát triển rừng bền vững.

Hoàn thiện bộ máy QLNN đối với các CTLNNN đảm bảo thực hiện có hiệu quả hai chức năng QLNN với tư cách là cơ quan quản lý hành chính và là CSH công ty

Hoàn thiện QLNN đối với CTLNNN theo hướng nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm tra giám sát nhà nước trên cơ sở phát huy vai trò kiểm tra nội bộ của CTLNNN và không ảnh hưởng đến tính tự chủ hoạt động SXKD và BV&PTR.

#### ***4.2.2. Phương hướng hoàn thiện quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước***

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các CTLNNN, hoàn thành phương án sắp xếp, đổi mới CTLNNN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Hoàn thiện các chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn, chính sách đầu tư và chính sách về đất đai, về giao khoán BVPTR tạo điều kiện các CTLNNN mở rộng SXKD rừng và BVPTR.

- Hoàn thiện quy định pháp luật và hướng dẫn thực hiện các hình thức bảo vệ phát triển rừng. Thực hiện giao rừng tự nhiên gắn với giao đất theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật BV&PTR;

- Hoàn thiện các nội dung giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật của CTLNNN về hoạt động SXKD lâm nghiệp và BVPTR.

#### ***4.3. Các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam***

##### ***4.3.1. Hoàn thiện chính sách pháp luật đối với công ty lâm nghiệp nhà nước***

###### ***4.3.1.1. Hoàn thiện về hoạch định phát triển công ty lâm nghiệp nhà nước***

Bộ, ngành và các địa phương cần phải đề ra các giải pháp biện pháp cụ thể sử lý rút điếm các tồn tại về về tài chính, đất đai để hoàn thiện việc sắp xếp đổi mới tổ chức, cơ cấu lại CTLNNN trong thời gian.

Xây dựng chiến lược phát triển CTLNNN cần phải phối hợp chặt chẽ quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ, trong chuỗi giá trị sản phẩm và phân công chuyên môn hóa sản xuất tiết kiệm chi phí đầu tư nhằm tạo ra cơ cấu sản phẩm hợp lý, hiệu quả. Đồng thời, đặt trong bối cảnh chung của Chiến lược phát triển ngành lâm nghiệp và Chiến lược phát triển KT-XH thời kỳ hội nhập kinh tế và toàn cầu hoá.

Dựa trên cơ sở định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế nói chung và phát triển ngành lâm nghiệp nói riêng. Các CTLNNN cần chủ động phát huy quyền tự chủ xây dựng các kế hoạch SXKD và BV&PTR ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của công ty. Đồng thời cũng phải bám sát và gắn với nhu cầu của thị trường.

###### ***4.3.1.2. Hoàn thiện quản lý vốn và tài sản nhà nước tại công ty lâm nghiệp nhà nước***

Căn cứ vào mục tiêu, chức năng nhiệm vụ được giao, chiến lược phát triển mở rộng quy mô SXKD và đặc thù hoạt động của CTLNNN. 1). UBND tỉnh phối hợp với Bộ tài chính xây dựng và ban hành quy chế quản lý tài chính, quản lý

vốn và tài sản, quản lý phần vốn nhà nước phù hợp với các CTLNNN, xây dựng các công cụ quản lý chặt chẽ các khoản nợ, đôn đốc CTLNNN kịp thời thu hồi và thanh toán các khoản nợ ngắn hạn mới phát sinh; 2). Bộ tài chính phối với Bộ NN&PTNT, các UBND tỉnh xây dựng hướng tài liệu hướng dẫn phân định rõ chủ thể sở hữu và sử dụng vốn, tài sản phục vụ cho hoạt động SXKD và hoạt động phục vụ BV&PTR, xác định trách nhiệm của người quản lý vốn, tài sản đặc biệt là vốn rừng của Nhà nước tại các thực hiện đại diện CSH đối với CTLNNN.

#### *4.3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng*

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý, BV&PTR, khắc phục sự chông chéo, bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả, khả thi; thực hiện các chính sách về chi trả dịch vụ môi trường rừng. Kiên quyết đình chỉ, thu hồi đất đối với dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng có sai phạm, hoặc có nguy cơ gây thiệt hại lớn về rừng, môi trường sinh thái. Xác định rõ công tác quản lý, BV&PTR là trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức Đảng, chính quyền và người đứng đầu các CTLNNN. Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ các CTLNNN về việc huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho BV&PTR. Hỗ trợ các khoản kinh phí về đầu tư tài chính, kinh phí quản lý, bảo vệ rừng, ứng dụng KH-CN và phòng chống cháy rừng tạo điều kiện cho các CTLNNN có căn cứ triển khai khi Phương án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Xây dựng cơ chế chính sách cho phép các CTLNNN Chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế về quản lý, BV&PTR.

#### *4.3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về đất đai*

- Bộ NN&PTNT, Bộ TN-MT và UBND cấp tỉnh cần phải phối hợp đề ra các các giải pháp hoàn thiện việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, xác định ranh giới, cắm mốc giới, tiến đến hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các CTLNNN chưa được cấp giấy, đẩy mạnh thực hiện giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định của pháp luật cho các công ty nông, lâm nghiệp; xử lý dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đai, diện tích đang cho thuê, cho mượn tại các CTLNNN.

- Chính quyền địa phương cùng với CTLNNN nhanh chóng xác định, xử lý, giải quyết dứt điểm các trường hợp tranh chấp và vi phạm pháp luật về đất đai, pháp luật về BV&PTR (đất và rừng của công ty bị lấn chiếm, có tranh chấp, vi phạm), giải quyết dứt điểm từng trường hợp cụ thể theo quy định pháp luật.

#### *4.3.1.5. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ công ty lâm nghiệp nhà nước*

- Hoàn thiện cơ chế chính sách vốn tín dụng: Nghiên cứu cơ chế chính sách tín dụng riêng cho phát triển lâm nghiệp, bao gồm cả tín dụng ưu đãi và tín dụng thương mại, có quy định riêng về đảm bảo tiền vay đối với tài sản thế chấp

là số đo đất rừng, hoặc tài sản là rừng và sản phẩm từ rừng; Bổ sung các chính sách vay ưu đãi đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển đối với công nghiệp chế biến lâm sản, đối với các dự án phát triển vùng nguyên liệu, nhất là đối với các loại cây dài ngày và cây rừng; Bổ sung các chính sách vay ưu đãi đầu tư hỗ trợ tài chính cho các DN tiếp cận và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào SXKD, đặc biệt là các CTLNNN hoạt động ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người.

- *Hoàn thiện cơ chế chính sách giao khoán*: Chính phủ cần đẩy nhanh nghiên cứu hoàn thiện nội dung và cơ chế chính sách giao khoán bền vững cho CTLNNN; Nghiên cứu điều chỉnh phương thức giao đất, giao rừng, giao theo năng lực quản lý, thời gian giao khoán đối với rừng sản xuất phải là ổn định lâu dài hoặc khoán theo chu kỳ kinh tế, chu kỳ sinh trưởng của cây rừng; Nghiên cứu nâng mức chi trả giao khoán quản lý bảo vệ rừng từ 200.000 đồng/ha rừng/năm lên 500.000 đồng/ha rừng/năm.

- *Hoàn thiện cơ chế chính sách về quản lý và khai thác rừng*: Nghiên cứu đổi mới chính sách giao, quản lý và khai thác rừng sản xuất là rừng tự nhiên giàu và trung bình cho Các CTLNNN theo hướng rừng đã giao cho công ty là tài sản của công ty, Công ty có toàn quyền sử dụng, khai thác SXKD theo phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt có hiệu quả nhất và phải hoàn trả lại giá trị vốn rừng cho nhà nước tại thời điểm được giao rừng.

#### *4.3.1.6. Đổi mới phương pháp quản lý đối với công ty lâm nghiệp nhà nước*

Xây dựng và ban hành Chiến lược tổng thể về sử dụng vốn rừng do nhà nước giao cho các CTLNNN; Xây dựng và ban hành chính sách cụ thể hóa mục tiêu hoạt động của từng CTLNNN để làm cơ sở cho công ty hoạt động và cơ sở để đánh giá tổng kết hoạt động hàng năm của công ty. Thực hiện cơ chế phân chia lợi ích giữa CSH Nhà nước và CTLNNN phải rõ ràng, minh bạch.

#### *4.3.2. Tăng cường năng lực cho bộ máy quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam*

- Thực hiện hiệu quả về phân cấp, phân công trách QLNN về mặt hành chính cho các cơ quan quản lý hành chính nhà nước đối với CTLNNN các cấp.

- Cần phải thay đổi chế độ tuyển chọn và bổ nhiệm cán bộ quản lý CTLNNN theo cơ chế thu hút, tuyển chọn thông qua thị trường nhân lực quản trị kinh doanh. Đồng thời, việc bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao của CTLNNN thực hiện theo hình thức ký hợp đồng có thời hạn.

- Hoàn thiện quy trình bổ nhiệm cán bộ QLNN, lãnh đạo công ty tại CTLNNN theo hướng mở rộng và phát huy dân chủ, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan.



- Thực hiện đổi mới mạnh mẽ các khâu trong công tác cán bộ, từ đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo bồi dưỡng, bổ nhiệm, miễn nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử.

### ***4.3.3 Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam***

- Xây dựng quy chế và thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các CTLNNN, trong đó tập trung vào các công ty có biểu hiện vi phạm pháp luật đối với các hoạt động của công ty.

- Chủ động thường xuyên xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đối với hoạt động SXKD cũng như hoạt động đầu tư cho quản lý BV&PTR của các CTLNNN, chú ý tới các kế hoạch của các cơ quan liên quan QLNN để không chồng chéo.

- Hoàn thiện nội dung theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả. Hình thành cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động của cơ quan thực hiện chức năng đại diện CSH Nhà nước.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

(1) Luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về QLNN đối với CTLNNN về khái niệm có liên quan, mục tiêu, đặc điểm và nội dung QLNN gồm ban hành chính sách pháp luật, tổ chức bộ máy thực thi pháp luật và thanh tra giám sát hoạt động của các CTLNNN. Luận án luận giả được năm (05) tiêu chí đánh giá về QLNN đối với CTLNNN gồm: hiệu lực của QLNN, hiệu quả của QLNN, sự phù hợp của QLNN, sự ổn định của QLNN và sự công bằng của QLNN. Luận án cũng tóm tắt được kinh nghiệm của 3 quốc gia (Nga, Trung Quốc và Đức) về QLNN đối với CTLNNN, Đồng thời và rút ra 05 bài học cho QLNN đối với CTLNNN ở Việt Nam.

(2) Luận án đã khái quát thực trạng CTLNNN cho đến nay ở Việt Nam gồm 105 CTLNNN tập trung lại một số khu vực như các tỉnh Tây Nguyên hiện có 36/105 công ty (chiếm trên 34.3%), 69/105 công ty còn lại (chiếm 65,7%) hoạt động rải rác tại 20 tỉnh trên cả nước). Tổng diện tích đất lâm nghiệp CTLNNN đang quản lý 1,336 triệu ha, trong đó đất rừng sản xuất khoảng 1,01 triệu ha. Tổng số vốn CTLNNN đang quản lý và sử dụng là 4.511.683 triệu đồng. Các CTLNNN thu hút 8.230 lao động, chủ yếu là lao động trên địa bàn. Doanh thu của các CTLNNN có xu hướng tăng từ năm 2016 đến 2018, tuy nhiên cùng thời gian lợi nhuận và nộp Ngân sách nhà nước của các CTLNNN có xu hướng giảm.

(3) Luận án đã phân tích, đánh giá thực trạng QLNN đối với CTLNNN trên ba nội dung gồm: Ban hành chính sách pháp luật; mô hình cơ cấu tổ chức QLNNN triển khai chính sách pháp luật; và thanh tra kiểm tra, giám sát thực thi

pháp luật của các CTLNNN ở Việt Nam; Kết quả đánh giá QLNN đối với CTLNNN theo 05 tiêu chí với kết quả như sau; hiệu quả đạt 3,39 điểm, hiệu lực đạt 3,38 điểm, sự phù hợp đạt 2,96 điểm, sự ổn định đạt 3,13 điểm và sự công bằng đạt 2,97 điểm.

(4) Luận án đã nhận diện và xác định được 6 nhân tố ảnh hưởng đến QLNN đối với CTLNNN và lượng hoá được mức độ ảnh hưởng, Vị trí quan trọng của từng nhân tố và được xếp theo thứ tự từ ảnh hưởng nhiều đến ít như sau: Sự phối hợp thực hiện công tác QLNN của các cơ quan nhà nước (mức độ ảnh hưởng là 26,65%); Sự ổn định của thể chế nhà nước, Sự minh bạch của bộ máy và năng lực, trí lực cán bộ thực hiện công tác QLNN (mức độ ảnh hưởng là 19,98%); Đặc điểm ngành nghề kinh doanh, cam kết hội nhập quốc tế (mức độ ảnh hưởng là 19,13%); Việc xây dựng, ban hành, sửa đổi các chính sách, nhận thức và triển khai chính sách của cán bộ QLNN (mức độ ảnh hưởng là 13,4%); Kiểm soát quá trình hội nhập và hỗ trợ giảm chi phí và cải thiện môi trường phát triển thị trường gỗ (mức độ ảnh hưởng là 12,16%); và Chính sách phát triển kinh tế quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế (mức độ ảnh hưởng là 10,68%).

(5). Trên cơ sở lý luận và phân tích đánh giá thực tiễn QLNN đối với CTLNNN ở Việt Nam, Luận án đã đề xuất 3 nhóm giải pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước đối với CTLNNN: (1) Hoàn thiện chính sách pháp luật đối với CTLNNN, tập trung vào: Hoạch định phát triển các công ty, hoàn thiện cơ chế quản lý vốn và tài sản nhà nước tại công ty, hoàn thiện pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, pháp luật về đất đai, hoàn thiện chính sách hỗ trợ công ty; (2) Tăng cường năng lực cho bộ máy QLNN các cấp đối với CTLNNN, tập trung vào xây dựng cơ chế tăng cường năng lực, nâng cao trình độ cán bộ và sự hợp tác phối hợp thực hiện của các cơ quan QLNN từ trung ương đến địa phương, thay đổi cơ chế tuyển chọn và bổ nhiệm cán bộ quản lý công ty; (3) Tăng cường thanh tra, giám sát với đối với CTLNNN, tập trung vào xây dựng quy chế thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các công ty, xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá cho từng nhóm công ty phù hợp với mục tiêu hoạt động của công ty./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ**

1. Đinh Xuân Nghiêm (2018), *Ảnh hưởng của các nhân tố đến quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam*, Quản lý kinh tế, (87), tr.3-15.
2. Đinh Xuân Nghiêm (2018), *Đánh giá kết quả quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước ở Việt Nam theo 05 tiêu chí*, Quản lý kinh tế, (88), tr.3-16.
3. Đinh Xuân Nghiêm (2018), *Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với công ty lâm nghiệp nhà nước*, Quản lý kinh tế, (90), tr.61-74.